

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI MỸ

NGUYỄN HỒNG THẮNG

Thuế đánh vào lợi tức doanh nghiệp và thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu. Nó đánh thẳng vào lợi nhuận và thu nhập mà không quanh co như thuế gián thu. Như vậy, thuế thu nhập không cần phương tiện giá cả để dịch chuyển, người nộp chính là người chịu thuế, đồng thời cũng không gây ra những "méo mó" trong tiêu dùng bởi đã khấu trừ một phần thu nhập trước khi tiêu dùng.

Tại Mỹ, thuế thu nhập cá nhân và thu nhập công ty đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo nguồn thu cho ngân sách liên bang và tiểu bang. Ở cấp liên bang, kể từ thập niên 20 của thế kỷ 20, thuế thu nhập luôn đóng góp hơn 50% tổng thu nhập ngân sách; đặc biệt, những năm 60 nó chiếm gần 70% tổng thu ngân sách.

Ngược dòng lịch sử, thuế thu nhập cá nhân liên bang đã từng được đem ra thảo luận tại Quốc hội vào năm 1815. Nhưng mãi đến thời kỳ Nội chiến (1861 - 1865) nó mới được thông qua và chính thức áp dụng. Có thể nhận xét rằng, sự ra đời của thuế thu nhập cá nhân gắn với cuộc Nội chiến Bắc - Nam nhằm tài trợ gánh nặng chiến phí.

Năm 1861, mọi cá nhân đều phải nộp thuế thu nhập với một mức thuế suất 3%, có miễn trừ 800 USD thu nhập. Năm 1862, thuế suất 3% được đánh vào thu nhập từ 600 USD đến 10.000 USD, và 5% cho phần thu nhập vượt 10.000 USD. Năm 1865, thu nhập hàng năm từ 600 USD đến 5.000 USD chịu 5% thuế suất; phần thu nhập trên 5000 USD chịu 10% thuế suất. Đến năm 1872, thuế thu nhập cá nhân bị bãi bỏ do bị xem là vi hiến.

Năm 1894, Quốc hội Mỹ thông qua một đạo luật về thuế thu nhập cá nhân, đánh 2% vào thu nhập hàng năm trên 4.000 USD, chủ yếu nhằm vào dân chúng thuộc các tiểu bang miền Đông. Nhưng ngay sau đó, Tòa án tối cao tuyên bố vô hiệu, xét trên cơ sở hiến pháp Hoa Kỳ. Như vậy, thế kỷ XIX đóng lại mà Quốc hội Mỹ chưa thông qua một luật nào về thuế thu nhập cá nhân.

Tu chính án 16 năm 1913 (the Sixteenth Amendment in 1913) đã mở đường cho thuế thu nhập bằng đoạn văn "Quốc hội có quyền ấn định và đánh thuế vào thu nhập thuộc bất cứ nguồn nào, không cần phải phân phối cho các tiểu bang và không hề lệ thuộc vào sự điều tra hay thống kê dân số" (1). Một đạo luật về thuế thu nhập cá nhân được thông qua với biểu thuế lũy tiến từng phần từ 1% đến 7% cho thu nhập từ 3000 USD đến trên 500.000 USD, tạm thời chưa đánh thuế vào lợi tức cổ phần.

Từ đó đến nay, rất nhiều luật sửa đổi, bổ sung luật thuế thu nhập ra đời nhằm cập nhật hóa thuế vào đời sống xã hội. Năm 1939, lần đầu tiên các đạo luật được tập hợp thành Bộ Luật thuế nội địa (IRC: Internal Revenue Code) và giao cho Cục thuế nội địa (Bộ tài chính) chấp

hành thu.

Theo luật lệ Hoa Kỳ, thuế thu nhập cá nhân dựa trên 4 cơ sở pháp lý:

- Hiến pháp: cho phép chính quyền liên bang quyền thu thuế.

- Bộ luật thuế nội địa: khoảng 4000 trang tài liệu, quy định chi tiết thuế thu nhập cá nhân.

- Thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính và Cục thuế nội địa (IRS).

- Phán quyết của tòa án: các án lệ giải quyết tranh chấp giữa người nộp thuế với cơ quan thu thuế.

Thuế thu nhập đánh vào 4 đối tượng:

- Người độc thân (Unmarried individuals)

- Người có gia đình - khai chung thu nhập (Married individuals - Filing jointly)

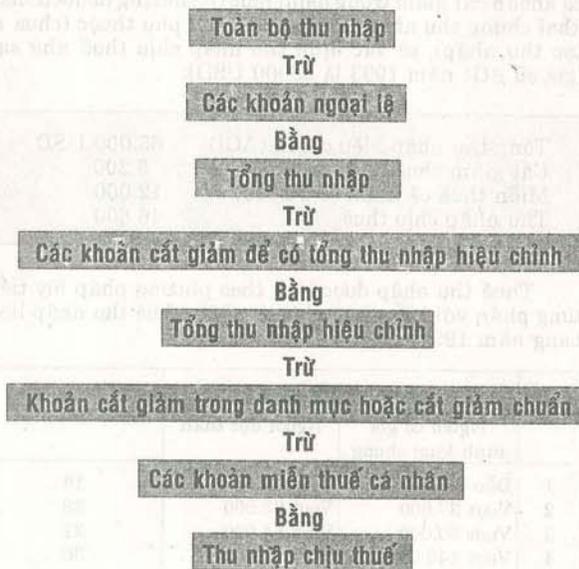
- Người có gia đình - khai riêng thu nhập (Married Individuals - Filing separate returns)

- Chủ gia đình (Head of household)

Chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty hợp danh nộp thuế thu nhập cá nhân chứ không phải thuế công ty trên lợi tức kinh doanh, bởi vì doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh (partnership) không được xem là thực thể chịu thuế.

Căn cứ tính thuế là thu nhập chịu thuế một năm. Cần phân biệt giữa thu nhập và thu nhập chịu thuế. Kế toán sử dụng khái niệm thu nhập để đo kết quả kinh doanh trong kỳ hạch toán dựa vào những nguyên tắc kế toán dựa vào những nguyên tắc kế toán. Thu nhập chịu thuế là một khái niệm thuế vụ, được ấn định thành luật và thay đổi theo nghị quyết của Quốc hội. Thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế được xây dựng nhằm các mục tiêu ngầm định khác nhau.

Mô hình chung xác định thu nhập chịu thuế như sau:



* Toàn bộ thu nhập (broadly defined income): mọi thu nhập nhận được từ bất kể nguồn thu nào.

* Các khoản ngoại lệ (exclusions) có khoảng 42 khoản được loại trừ khỏi toàn bộ thu nhập. Ví dụ: tiền bồi thường tai nạn và tàn tật, tiền lãi trái phiếu bang và địa phương... (xem thêm "Introduction to Federal Taxation", tác giả: William, L.Raby & Victor H.Tidwell). Thu nhập bất hợp pháp không được đưa vào tổng thu nhập.

* Tổng thu nhập (gross income for tax purposes) = toàn bộ thu nhập - khoản ngoại lệ.

* Các khoản cắt giảm để có tổng thu nhập hiệu chỉnh

(deductions for adjusted gross income): khoản đóng góp cho IRA (2) và Keogh (3), khoản cắt giảm cho vợ chồng khi cả 2 có thu nhập (tối đa là 2000 USD cho mỗi người đối với IRA và 30.000 USD hoặc 25% thu nhập từ hành nghề tự do đối với Keogh plan).

* Tổng thu nhập hiệu chỉnh (AGI: adjusted gross income).

* Khoản cắt giảm trong danh mục (itemized deductions) (xem thêm tài liệu đã dẫn)

* Các khoản cắt giảm chuẩn (standard deductions) gồm 2 loại:

- Khoản cắt giảm chuẩn cơ bản ("basic" standard deductions): năm 1993 khoản cắt giảm chuẩn cơ bản cho người độc thân là 3700 USD, cho cặp vợ chồng là 6200 và chủ gia đình là 5500 USD.

- Khoản cắt giảm chuẩn bổ sung ("additional" standard deductions): áp dụng cho người già hoặc mù hoặc cả hai. Một khoản cắt giảm 950 USD dành cho người độc thân 65 tuổi, hoặc bị mù (750 USD dành cho mỗi người vợ hoặc chồng)

* Khoản miễn thuế cá nhân (exemption amount): một cách tổng quát, mỗi người trả thuế được cắt giảm một khoản miễn thuế cho bản thân, cho vợ/chồng và những người phụ thuộc. Khoản miễn thuế cá nhân được ấn định qua các năm tùy theo mức độ lạm phát.

Năm	Miễn thuế cá nhân
1987	\$ 1900
1988	\$ 1950
1989	\$ 2000
1990	\$ 2050
1991	\$ 2150
1992	\$ 2200
1993	\$ 2400

Ví dụ một cặp chồng dưới 65 tuổi, không mù, không có khoản cắt giảm trong danh mục (Itemizing deductions), khai chung thu nhập, có ba người con phụ thuộc (chưa ai tạo thu nhập), sẽ xác định thu nhập chịu thuế như sau (giá sử AGI năm 1993 là 65000 USD):

Tổng thu nhập hiệu chỉnh (AGI)	65.000 USD
Cắt giảm chuẩn	6.200
Miễn thuế cá nhân (5 x 2400) =	12.000
Thu nhập chịu thuế	46.800

Thuế thu nhập được tính theo phương pháp lũy tiến từng phần với biểu thuế như sau (biểu thuế thu nhập liên bang năm 1993)

Bậc	Thu nhập chịu thuế năm (USD)		Thuế suất (%)
	Người có gia đình khai chung	Người độc thân	
1	Đến 37.000	Đến 23.000	15
2	Vượt 37.000	Vượt 23.000	28
3	Vượt 90.000	Vượt 54.000	31
4	Vượt 140.000	Vượt 115.000	36
5	Vượt 250.000	Vượt 250.000	40 (4)

Ví dụ minh họa tính thuế thu nhập liên bang. Ông Stephen D. Barner là một bác sĩ tư có tổng thu nhập năm 1993 từ hoạt động khám chữa bệnh là 122.000 USD. Vợ ông có thu nhập là 28.600 USD/năm, bà đã tạm nộp 5.000 USD thuế thu nhập liên bang. Trong năm, ông bà Barner đã nhận 820 USD lợi tức trái phiếu đô thị (municipal bond), 146 USD lãi tiết kiệm, 10.200 USD lợi tức cổ phần, 3.300 USD chênh lệch giá cổ phiếu, ngoài ba người con đang đi học, ông bà còn nuôi thêm 1 người cháu 18 tuổi. Tổng các khoản cắt giảm trong danh mục cả năm 1988 là

26.800 USD. Ông Barner đã đóng 6.200 USD cho kế hoạch IRA (Independent Retirement Arrangement), chi 58.700 USD cho kinh doanh và đầu tư 15.000 USD vào thiết bị y tế. Đồng thời, gia đình Barner đã tạm nộp thuế thu nhập 6.000 USD.

EUGENE & STEPHEN D. BARNER

Bảng tính thuế thu nhập liên bang năm 1993

1. Tổng thu nhập (không tính 820 USD lợi tức trái phiếu đô thị)	
Thu từ hoạt động khám, chữa bệnh	122.000
Trừ chi phí kinh doanh	58.700
Thu nhập của ông Barner	63.300
Lương của bà Barner	28.600
Lợi tức cổ phần 10.200 (trừ 400 USD đầu tiên)	9.800
Lãi tiết kiệm	1.460
Lãi do chuyển nhượng vốn dài hạn	3.300
Tổng thu nhập	106.460
2. Các khoản cắt giảm để có tổng thu nhập hiệu chỉnh	
Khoản đóng góp và kế hoạch IRA	6200
Cắt giảm cho vợ chồng khi cả hai có thu nhập (10% của thu nhập thấp: 10% x 28.600)	2.860
3. Tổng thu nhập hiệu chỉnh (AGI)	97.400
4. Khoản cắt giảm chuẩn (Tổng các khoản cắt giảm trong danh mục 26.800 USD trừ đi 6.200 USD là khoản cắt giảm chuẩn)	20.600
5. Khoản miễn thuế cá nhân: (6 x 2.400 USD)	14.400
6. Thu nhập chịu thuế	62.400
7. Thuế thu nhập (người có gia đình khai chung thu nhập)	12.662
Trừ giảm thuế đầu tư (investment tax credit) (10% của 15.000 USD)	1.500
Tổng thuế	11.162
Thuế đã nộp: (5.000 USD + 6.000 USD)	11.000
Thuế còn phải nộp	162

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- William L. Raby và Victor H. Tidwell, *Introduction to Federal Taxation, 1990*
- Meigs và Meigs, *Financial Accounting, 8th edition, Mc Graw - Hill, Inc, 1995*
- Richard Musgrave, *Public Finance, 1989*

CHÚ THÍCH

(1) "The Congress shall have power to lay and collect taxes on incomes, from whatever source derived, without apportionment among the several states, and without regard to any census or enumeration"

(2) IRA: Individual Retirement Arrangement: Đây là chương trình đóng góp cho chính người lao động, không có sự tham gia của người chủ. Khoản thu nhập đóng góp vào IRA sẽ không phải chịu thuế thu nhập cá nhân.

(3) Keogh (Keogh plan): Chương trình này nhằm giảm thu nhập chịu thuế đối với người hành nghề tự do khi họ tạo lập tài sản cho lúc hưu trí. Cá nhân hành nghề tự do được miễn thuế cho khoản tiền góp vào Keogh plan.

(4) Thuế suất này gồm cả 10% phụ thu đánh vào tất cả thu nhập chịu thuế vượt 250.000 USD, cộng với 36% thuế suất bậc trước đó, thành 39,6%. Ở đây chúng tôi làm tròn số.